

Bản án số: 153/2020/DS-ST

Ngày: 14/9/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Triệu Thúy Hà
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Dương Xuân Đính;  
Bà Hoàng Thị Hòa.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuỳ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020 ngày 19/8/2020 /QĐXXST-DS và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C**

Trụ sở: 442- Nguyễn Thị Minh K, phường a, quận b, TP Hồ Chí Minh -  
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T- Tổng giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:** Ông Cung Công Đ -  
Cán bộ xử lý nợ (Có mặt tại phiên tòa).

**Bị đơn:** Ông **Hoàng Ngọc T**, sinh năm 1977, địa chỉ: Xóm Nhồi D, xã Cổ L, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/03/2020 và các văn bản, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần C cho ông Hoàng Ngọc T vay tiền dưới hình thức cho vay qua thẻ tín dụng. Việc cho vay thể hiện:

Giấy cấp thẻ tín dụng số 421722002 3930 ngày 08/8/2017; Ngày cấp 08/8/2017; Loại thẻ VISA Gold (thẻ tín dụng quốc tế); Hạn mức 50.000.000 đồng. Hiệu lực thẻ đến tháng 8/2020; Lãi suất theo các điều đã thỏa thuận trong bản bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng C; thời hạn thẻ 36 kể từ ngày giải ngân tiền vay đầu tiên là ngày 20/8/2017 đến 20/8/2020. Lãi suất 29%/năm, lãi quá hạn 150%/ lãi trong hạn tương đương 43,5%, lãi suất áp

dụng thống nhất từ thời điểm vay đến hết cuối kỳ; Mục đích vay tiêu dùng, không có tài sản bảo đảm. Phương thức giải ngân và nhận nợ tuân thủ theo quy định của Hợp đồng tín dụng và “Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP C có hiệu lực từ 22/5/2017” và kèm theo đó là bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Hoàng Ngọc T vi phạm quy định tại các bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C, không thanh toán theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 10/6/2019, Ngân hàng C chuyển khoản thẻ của ông T sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn; Cùng ngày Ngân hàng C ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn toàn bộ thẻ chưa thanh toán của ông T.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã trả được một phần nợ. Theo quy định tại Khoản 5.2 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ quốc tế của Ngân hàng TMCP C quy định: Tất cả giá trị giao dịch, kể cả phí và lãi phát sinh trong kì đề được nhập vào số dư nợ đầu kì tiếp theo, Ngân hàng C vẫn có quyền được ghi nợ tài khoản thẻ cho dù số dư nợ có vượt quá hạn mức tín. Tính đến ngày hôm nay 14/9/2020, ông T còn nợ: dư nợ gốc 52.710.223 đồng (trong đó: Nợ gốc tính lãi: 46.620.914 đồng; Nợ gốc không tính lãi là khoản phí và lãi chưa trả trong hạn: 6.089.309 đồng); Tiền lãi quá hạn: 25.614.041 đồng. Tổng cộng số nợ ông T phải trả nguyên đơn là 78.324.264 đồng.

Bị đơn ông T trình bày: Ông nhất trí với nguyên đơn về việc kí kết và thực hiện hợp đồng tín dụng. Nhất trí về số nợ do nguyên đơn tính toán và không có ý kiến gì.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định: Quá trình kí kết Hợp đồng tín dụng dưới hình thức Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật cũng như thực hiện đúng các quy chế về phát hành thẻ ghi nợ và cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc thỏa thuận về lãi suất thẻ tín dụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Công văn số 734/NVC-TTT.17 của Ngân hàng C ngày 09/6/2017. Theo hướng dẫn tại Công văn này, lãi suất trong hạn là 29%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tương đương 43.5%/năm. Sở dĩ lãi suất thẻ tín dụng cao vì phải bù trừ rủi ro trong trường hợp bị đơn mất khả năng trả nợ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn nhất trí về nợ gốc và lãi, lãi suất.

**\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

**Về nội dung:**

*Đề nghị Tòa án tuyên :*

- + Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.
- + Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng mục đích sử dụng tiền vay là vay tiêu dùng nên xác định đây là tranh chấp về dân sự, bị đơn ông T cư trú tại địa bàn huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đ, thành phố Hà Nội thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C là người khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền lợi hợp pháp.

- Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc T là người bị nguyên đơn khởi kiện.

Tại phần thông tin bên vay, có ghi thông tin về vợ/chồng là bà Lê Thị Minh Thắm. Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn tham gia phiên tòa khẳng định: Phần thông tin về bà Thắm chỉ có tính chất tham chiếu xác định về nhân thân của ông T, không có tính ràng buộc về mặt pháp lý hay nghĩa vụ trả nợ của bà Thắm. Nhận thấy, đây chỉ là phần thông tin về nhân thân của người vay do ông T cung cấp, bà Thắm không biết việc ký kết hợp đồng tín dụng, cũng không tham gia ký hợp đồng này. Ông T là người thụ hưởng số tiền vay, số tiền được chuyển vào tài khoản đứng tên cá nhân ông T. Như vậy, xác định đây là khoản nợ ông T, không liên quan đến bà Thắm nên không đưa bà và tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

**[2] Về nội dung:**

Hợp đồng tín dụng ký kết dưới hình thức “ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4217220023930” ngày 08/8/2017 được lập thành văn bản phù hợp quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn đều có tư cách chủ thể, đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Các bên thừa nhận mọi điều khoản trong hợp đồng. Do vậy, hợp đồng tín dụng là hợp pháp.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng như phía nguyên đơn trình bày và được bị đơn thừa nhận. Kể từ ngày 10/6/2019, bị đơn vi phạm không thực hiện

tiếp nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 10 và Điều 16 của “Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP C có hiệu lực từ 22/5/2017” kèm theo Hợp đồng tín dụng.

Cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ tín đến 14/9/2020: Nợ gốc là 52.710.223 đồng trong đó bao gồm: Nợ gốc tính lãi: 46.620.914 đồng; Phí và lãi chưa trả trong hạn: 6.089.309 đồng (không tính lãi số tiền này). Các bên có thỏa thuận lãi và phí chưa thanh toán sẽ nhập vào dư nợ đầu kì và coi đó là khoản nợ gốc. Cách hiểu của nguyên đơn về nợ gốc như trên là chưa chính xác vì khoản vay gốc ban đầu là 50.000.000 đồng, bị đơn đã trả được một phần nợ gốc là 3.379.086 đồng, nợ gốc còn lại phải là 46.620.914 đồng; Phí và lãi chưa trả trong hạn: 6.089.309 đồng không được tính vào nợ gốc. Tuy nhiên, việc nguyên đơn yêu cầu như trên không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn phải trả nợ nguyên đơn tính đến 14/9/2020 là:

Nợ gốc: 46.620.914 đồng;

Phí và lãi chưa trả trong hạn: 6.089.309 đồng;

Tiền lãi quá hạn: 25.614.041 đồng.

Tổng cộng: 78.324.264 đồng.

Kể từ 15/9/2020, bị đơn ông T tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

\*Về án phí sơ thẩm : Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự

Căn cứ các khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án ;

#### **Xử :**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C đối ông Hoàng Ngọc T.
2. Buộc ông Hoàng Ngọc T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tiền nợ gốc và lãi, phí theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tính đã ký kết tính đến 14/9/2020 như sau:
  - Nợ gốc: 46.620.914 đồng;
  - Phí và lãi chưa trả trong hạn: 6.089.309 đồng;
  - Tiền lãi quá hạn: 25.614.041 đồng.Tổng cộng: 78.324.264 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2020, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C.

Bị đơn ông T phải chịu 3.916.213,2 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 1.667.816 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/00015480 ngày 25/3/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Triệu Thúy Hà**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**N-i nhỄn:**

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Thúy Hà**